

Bản án số: 37/2019/HS-ST

Ngày 13-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hương

Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Từ Sỹ Trần Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2019/HSST ngày 11 tháng 10 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-HS ngày 23-10-2019 đối với:

- Bị cáo: NGUYỄN THỊ THU A, sinh năm 1966, tại Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không. Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945 và bà Trương Thị Q, sinh năm 1943; Có chồng tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1966 và có 03 con. Chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông luật sư Nguyễn Văn K - Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn K - Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.

- Người làm chứng:

+ Bà Trương Thị Q, sinh năm 1943; Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Lệ Q, sinh năm 1966; Vắng mặt.

+ Chị Ông Thị Minh N, sinh năm 1981; Vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1957; Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết Q, sinh năm 2001; Có mặt.

- + Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1966; Vắng mặt.
 - + Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1976; Vắng mặt.
 - + Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; Vắng mặt.
 - + Chị Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1996; Vắng mặt.
 - + Anh Lê Ngọc N, sinh năm 1992; Vắng mặt.
 - + Ông Lê Văn L, sinh năm 1982; Có mặt.
 - + Bà Lê Thị H, sinh năm 1976; Có mặt.
 - + Bà Lê Thị H, sinh năm 1960; Vắng mặt.
- Cùng trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.
- + Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1987; Có mặt.
- Trú: Khu 1, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1966 và bà bị hại Nguyễn Thị H, sinh năm 1957 cùng trú tại thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Do muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên Nguyễn Thị Thu A đã nghĩ ra cách nói dối với bà Nguyễn Thị H là Nguyễn Thị Thu A sẽ đi buôn bán và rủ bà H góp vốn để Nguyễn Thị Thu A trực tiếp đi buôn dừa khô, than, dầu ngo, măng tây. Bị cáo Nguyễn Thị Thu A và bà bị hại Nguyễn Thị H thỏa thuận cuối ngày Nguyễn Thị Thu A về trả gốc cho bà Nguyễn Thị H còn lãi đi buôn hai người chia đôi. Thực tế Nguyễn Thị Thu A không đi buôn, mà dùng một phần tiền bà Nguyễn Thị H để tiêu xài, trả nợ, một phần đưa lại cho bà Nguyễn Thị H, nên bà Nguyễn Thị H đã tin tưởng vào lời nói của Nguyễn Thị Thu A, trong khoảng thời gian từ ngày 11-10-2016 đến ngày 20-01-2018 bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần đưa tiền cho Nguyễn Thị Thu A cụ thể:

* Lần thứ nhất trong năm 2016, bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần đưa tiền cho Nguyễn Thị Thu A tổng số tiền 196.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu A đã đưa lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền: 156.400.000 đồng, còn lại số tiền 39.600.000 đồng.

* Lần thứ hai trong năm 2017, bà Nguyễn Thị H đưa tiền cho Nguyễn Thị Thu A tổng số tiền 245.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu A đã đưa lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 45.000.000 đồng.

* Lần thứ ba trong năm 2018, bà Nguyễn Thị H đưa cho Nguyễn Thị Thu A tổng số tiền 264.030.000 đồng. Trong đó có 3 lần Nguyễn Thị Thu A nhờ con gái là Nguyễn Thị Tuyết Q nhận tiền. Nguyễn Thị Thu A chưa trả lại tiền gốc và lãi đi buôn cho bà Nguyễn Thị H.

Tổng cộng trong khoảng thời gian trên Nguyễn Thị Thu A đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H tổng cộng 348.630.000 đồng (39.600.000đ + 45.000.000đ + 264.030.000đ). Bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần yêu cầu Nguyễn Thị Thu A trả nợ,

nhưng Nguyễn Thị Thu A không trả mà nói dối việc đi buôn than, dầu ngo bị lực lượng kiểm lâm bắt giữ hàng hóa; việc buôn măng tây do xe vận chuyển măng tây có ma túy nên bị Công an bắt và nhiều lý do khác để không trả tiền cho bà Nguyễn Thị H, nên đến ngày 03-4-2018 bà Nguyễn Thị H đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị Thu A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo bồi thường khắc phục một phần hậu quả; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; đầu thú;

- Thu giữ và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 quyển sổ bìa màu đen kích thước 13cm x 8,5cm, bên trong có 18 tờ có chữ viết và chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị Hạnh và Nguyễn Thị Thu A. 02 (hai) tờ giấy ô ly có chữ và số; 06 File ghi âm. Quá trình điều tra chứng minh được đây là tài liệu liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đưa vào theo hồ sơ phục vụ công tác điều tra truy tố xét xử.

- Về dân sự: Trong quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H đã yêu cầu Nguyễn Thị Thu A bồi thường số tiền 348.630.000 đồng. Nguyễn Thị Thu A đã bồi thường được 25.000.000 đồng.

Riêng Nguyễn Thị Tuyết Q trong thời gian trên đã 03 lần nhận tiền từ bà H mang về cho Nguyễn Thị Thu A, nhưng Nguyễn Thị Tuyết Q không biết bà Nguyễn Thị H giao tiền cho Nguyễn Thị Thu A với mục đích gì. Mặt khác Nguyễn Thị Tuyết Q không biết Nguyễn Thị Thu A có hành vi lừa đảo bà Nguyễn Thị H để chiếm đoạt tiền, đồng thời Nguyễn Thị Tuyết Q không tham gia giúp sức cho Nguyễn Thị Thu A và cũng không được hưởng lợi trong các lần nhận tiền về cho Nguyễn Thị Thu A, nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự Nguyễn Thị Tuyết Q là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thu A thừa nhận: Từ khoảng tháng 10-2016 đến khoảng đầu năm 2018, để bà H tin tưởng và giao tiền, bị cáo nói dối là đi buôn có lời và hàng ngày trả tiền gốc cho bà H, tiền lời sau mỗi chuyến đi buôn (tiền lời chia đôi), tiền bỏ hủ tiết kiệm, để làm cho bị hại Nguyễn Thị H tin là sự thật và đã nhiều lần chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H cụ thể:

* Lần thứ nhất trong năm 2016, bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần đưa tiền cho Nguyễn Thị Thu A tổng số tiền 196.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu A đã đưa lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền: 156.400.000 đồng, còn lại số tiền 39.600.000 đồng.

* Lần thứ hai trong năm 2017, bà Nguyễn Thị H đưa tiền cho Nguyễn Thị Thu A tổng số tiền 245.000.000 đồng, Nguyễn Thị Thu A đã đưa lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000 đồng, còn lại số tiền 45.000.000 đồng.

* Lần thứ ba trong năm 2018, bà Nguyễn Thị H đưa cho Nguyễn Thị Thu A tổng số tiền 15.000.000 đồng. Trong đó có 3 lần Nguyễn Thị Thu A nhờ con gái là Nguyễn Thị Tuyết Q nhận tiền. Nguyễn Thị Thu A chưa trả lại tiền gốc và lãi đi buôn cho bà Nguyễn Thị H.

Năm 2018, bị cáo Nguyễn Thị Thu A không thừa nhận số tiền chiếm đoạt 264.030.000đ. Chỉ thừa nhận số tiền chiếm đoạt 15.000.000đ.

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H là 99.600.000đ (Chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng). Hiện nay bị cáo đã khắc phục được 29.000.000đ, có giấy nộp tiền mặt bổ sung tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo trả lại cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt 99.600.000đ (39.600.000đ + 45.000.000đ + 15.000.000đ) và xử lý hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu A theo quy định của pháp luật.

Bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-HS, ngày 22-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận công khai, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận thay đổi đề nghị truy tố trước đây ở điểm a khoản 3 Điều 174 thành điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên việc truy tố về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g (phạm tội 02 lần trở lên) khoản 1 Điều 52 và áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b (người phạm tội tự nguyện khắc phục một phần hậu quả), s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1, khoản 2 (đầu thú) Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu A từ 15 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu A bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 70.600.000đ (99.600.000đ – 29.000.000đ).

- **Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:** Nhất trí với nội dung của bản cáo trạng cũng như quan điểm của Viện kiểm sát về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, việc giao nhận tiền giữa bị hại và bị cáo là quan hệ giao dịch dân sự vay mượn tiền chứ không có hành vi lừa đảo. Số tiền hiện nay bà Nguyễn Thị Thu A còn nợ bà Nguyễn Thị H là 99.600.000đ – 29.000.000đ = 70.600.000đ. Do hiện nay gia đình bị cáo gặp khó khăn, bị cáo phải nuôi chồng bị bệnh nên chưa có tiền để trả nợ cho bà Nguyễn Thị H. Vì vậy không có căn cứ để truy tố Nguyễn Thị Thu A về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- **Kiểm sát viên tranh luận với người bào chữa:**

Căn cứ vào lời khai của bị cáo; Bị hại; Người làm chứng và các tài liệu chứng khác có tại hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận

không có nghề nghiệp, có đưa ra thông tin gian dối bằng cách nói dối với bị hại là đi buôn dầu ngo, than, măng tây và làm ăn với một người tên N, nhưng thực tế bị cáo Nguyễn Thị Thu A không đi buôn, không có người tên N, tự ý giả giọng của N liên lạc trao đổi để bà H tin tưởng, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bà H. Hành vi chiếm đoạt số tiền 99.600.000đ của bị cáo Nguyễn Thị Thu A là mục đích và kết quả của hành vi gian dối. Như vậy có đủ căn cứ để xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu A đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo không có tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; chồng bị cáo hiện đang bệnh nặng rất cần sự chăm sóc của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, qua xét hỏi, tranh luận công khai, bị cáo Nguyễn Thị Thu A thừa nhận là người không có nghề nghiệp. Do muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên Nguyễn Thị Thu A đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách nói dối với bà Nguyễn Thị H, là Nguyễn Thị Thu A sẽ đi buôn bán và rủ bà Nguyễn Thị H góp vốn để Nguyễn Thị Thu A trực tiếp đi buôn dừa khô, than, dầu ngo, măng tây. Bị cáo Nguyễn Thị Thu A và bị hại bà Nguyễn Thị H thỏa thuận cuối ngày Nguyễn Thị Thu A về trả gốc cho bà Nguyễn Thị H, còn lãi hai người chia đôi. Thực tế Nguyễn Thị Thu A không đi buôn (*Quá trình điều tra, cơ quan Hạt kiểm lâm huyện Thuận Nam cung cấp thông tin trong năm 2016 và 2017 không có vụ nào bắt giữ cả than và dầu ngo tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (Bl 139); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T cũng có văn bản cung cấp thông tin: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện phối hợp với các đội nghiệp vụ và Công an xã tiến hành rà soát từ năm 2016 đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không bắt cũng không thụ lý vụ việc nào liên quan đến việc mua bán, vận chuyển than củi, dầu ngo tại thôn V (Bl 140); Đồng thời Công an thành phố P cũng cung cấp thông tin qua rà soát các vụ việc từ năm 2016 đến nay, Công an thành phố không phát hiện hoặc xử lý vụ việc nào liên quan đến vụ án vận chuyển măng tây bằng xe Hoa Lâm, tại đường ray xe lửa hướng đi xã P thuộc phường B, thành phố P nghi trên xe chứa ma túy và đưa đối tượng cùng số hàng măng tây về trụ sở Công an thành phố P làm việc (Bl 138))*) mà dùng một phần

tiền bà Nguyễn Thị H để tiêu xài, trả nợ, một phần đưa lại cho bà Nguyễn Thị H nên bà Nguyễn Thị H đã tin tưởng vào lời nói của Nguyễn Thị Thu A.

Như vậy bị cáo Nguyễn Thị Thu A đã gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm để bị hại bà Nguyễn Thị H tin đó là sự thật. Thủ đoạn được thực hiện qua lời nói dối, nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Thu A chỉ thừa nhận đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin sai sự thật như đi buôn dừa khô, than, dầu ngo, măng tây; nhưng thực tế Ân không đi buôn, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bà Nguyễn Thị H; Cụ thể:

Năm 2016 nhận từ bà Nguyễn Thị H 196.000.000đ, đã đưa lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 156.400.000đ, còn lại số tiền 39.600.000đ;

Năm 2017 nhận từ bà Nguyễn Thị H 245.000.000đ, đã đưa lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 200.000.000đ, còn lại số tiền 45.000.000đ.

Riêng năm 2018 bị cáo Nguyễn Thị Thu A chỉ thừa nhận đã nhận từ bà Nguyễn Thị H 15.000.000đ.

Tổng số tiền chiếm đoạt là: 99.600.000đ (39.600.000đ + 45.000.000đ + 15.000.000đ)

Hành vi chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Thị Thu A là hành vi chuyển tiền của bị hại bà Nguyễn Thị H thành tiền của mình bằng thủ đoạn lừa dối. Hành vi chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Thị Thu A đã xảy ra, bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H số tiền **99.600.000đ** (39.600.000đ + 45.000.000đ + 15.000.000đ)

Lời khai nhận tội tại phiên tòa hôm nay của bị cáo Nguyễn Thị Thu A phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập tại hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, nên có đủ cơ sở để xác định: Đây là vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do bị cáo Nguyễn Thị Thu A thực hiện; Bị cáo Nguyễn Thị Thu A là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận công khai, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận thay đổi đề nghị truy tố trước đây ở điểm a khoản 3 Điều 174 thành điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu A nhiều lần thực hiện hành vi gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật là đi buôn bán dừa khô, than, dầu ngo, măng tây để bị hại bà Nguyễn Thị H tin tưởng giao tiền đi buôn, nhưng thực tế bị cáo không đi buôn gì cả; mà dùng một phần tiền bị hại bà Nguyễn Thị H để tiêu xài, trả nợ, một phần đưa lại cho bị hại bà Nguyễn Thị H, nên bị hại bà Nguyễn Thị H đã tin tưởng vào lời nói của bị cáo Nguyễn Thị Thu A đưa tiền cho bị cáo, bị cáo đã nhiều lần nhận

tiền từ bị hại bà Nguyễn Thị H, vì vậy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu A phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Do hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu A được thực hiện vào các năm 2016, 2017 trước 00 giờ ngày 01-01-2018, ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực pháp luật. Mức phạt được quy định tại khoản 2 Điều 139 “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) ngang bằng với mức hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 174 “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu A về hành vi lừa đảo đã thực hiện.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Thu A phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo: Tự nguyện khắc phục hậu quả một phần; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; bị cáo đầu thú theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét hình phạt phù hợp đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu A.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xem xét; Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Xét quan điểm của người bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo: Nguyễn Thị Thu A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả một phần là có căn cứ nên được chấp nhận.

Tuy nhiên luật sự cho rằng việc giao nhận tiền giữa bị hại và bị cáo là quan hệ giao dịch dân sự là chưa chính xác: Bởi vì bị cáo Nguyễn Thị Thu A đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin sai sự thật như đi buôn dừa khô, than, dầu ngo, măng tây và làm ăn với một người tên N, nhưng thực tế bị cáo Nguyễn Thị Thu A không đi buôn, không có người tên N, tự ý giả giọng của N liên lạc trao đổi để bà H tin tưởng, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của bị hại bà Nguyễn Thị H. Bị cáo Nguyễn Thị Thu A đã gian dối đưa ra thông tin không đúng sự thật nhằm để bị hại bà Nguyễn Thị H tin đó là sự thật. Thủ đoạn được thực hiện qua lời nói dối, nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại bà Nguyễn Thị H.

Hành vi chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Thị Thu A là hành vi chuyển tiền của bị hại bà Nguyễn Thị H thành tiền của mình bằng thủ đoạn lừa dối. Hành vi chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Thị Thu A đã xảy ra, bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại bà Nguyễn Thị H số tiền 99.600.000đ. Như vậy có đủ căn cứ để xác định bị cáo

Nguyễn Thị Thu A đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị hại Nguyễn Thị H yêu cầu bồi thường số tiền 348.630.000đồng; Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo trả lại cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt 99.600.000đ (39.600.000đ + 45.000.000đ + 15.000.000đ). Hiện nay bị cáo Nguyễn Thị Thu A đã bồi thường 29.000.000đ. Bị hại Nguyễn Thị H đã nhận 29.000.000đ.

[8] Đối với Nguyễn Thị Tuyết Q trong thời gian trên đã 3 lần nhận tiền từ bị hại bà Nguyễn Thị H mang về cho bị cáo Nguyễn Thị Thu A nhưng Q không biết bà H giao tiền cho A với mục đích gì. Mặt khác Q không biết A có hành vi lừa đảo bà H để chiếm đoạt tiền, đồng thời Q không tham gia giúp sức cho A và cũng không được hưởng lợi trong các lần nhận tiền về cho A, nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự Q là có căn cứ.

[9] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu A, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội, quan điểm về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Thu A** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu A **12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, các điều 584, 585, 589, 468 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu A phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền còn lại 70.600.000đ (Bảy mươi triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu A phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 3.530.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, người bào chữa, bị hại, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13-11-2019).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an huyện N;
- CQTHAHS Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Quốc Đạt

